

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LỘC  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 15-3-2022  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phùng Đức Chính

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thúy Phương

Bà Trần Thị Thu Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mạc Thị Sâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Lục Thị Hoàng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2021/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Luân Thị T, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn S, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lưu Văn T1, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 01/10/2020, nộp tại Tòa án ngày 22/9/2021, bản tự khai ngày 29/10/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Luân Thị T trình bày:

Chị Luân Thị T và anh Lưu Văn T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn ngày 26/5/2014. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung. Đến đầu năm 2018, vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Luân Thị T và anh Lưu Văn T1 bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, hay cãi

chửi nhau nên vợ chồng không thể hòa hợp. Vợ chồng đã sống ly thân được hơn 03 năm cho đến nay. Vì vậy chị Luân Thị T xác định vợ chồng không còn tình cảm, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Văn T1.

Về con chung: Chị Luân Thị T và anh Lưu Văn T1 có 01 người con chung là Lưu Gia N, sinh ngày 25/6/2014. Hiện nay cháu Lưu Gia N đang ở cùng anh Lưu Văn T1, khi ly hôn chị Luân Thị T yêu cầu anh Lưu Văn T1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lưu Gia N vì hiện nay chị đi làm công nhân, điều kiện kinh tế khó khăn, thu nhập không ổn định và còn đi thuê nhà ở, không đảm bảo cho con học hành. Mặt khác hiện nay cháu đang ở với anh Lưu Văn T1 và đang học tại Trường tiểu học xã P; chị Luân Thị T sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đ, kể từ tháng 04 năm 2022 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Luân Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và cho vay nợ: Không có.

Đối với bị đơn anh Lưu Văn T1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần và giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho anh Lưu Văn T1, nhưng anh Lưu Văn T1 cố tình vắng mặt, cố tình không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án; không đến Tòa án để thực hiện việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng tại phiên tòa ngày 24/02/2022 anh Lưu Văn T1 vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh Lưu Văn T1 vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến của con chung chưa thành niên cháu Lưu Gia N trình bày tại Bản tự khai ngày 20/11/2021: Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở cùng bố là Lưu Văn T1.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại Công văn số 782/CV-UBND ngày 22/11/2021, Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cho biết việc mâu thuẫn giữa 02 vợ chồng anh Tuấn và chị Tóm Ủy ban nhân dân xã không có thông tin gì vì không có ai trình báo; hiện nay anh Lưu Văn T1 đang sinh sống tại địa phương, chị Luân Thị T không sinh sống tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý vụ án đến khi tranh luận tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định về việc viết bản tự khai, tham gia

phiên tòa và cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định; bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ khoản 1 Điều 56, 57, 58 Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố Tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Luân Thị T, cho chị Luân Thị T ly hôn với anh Lưu Văn T1.

Về con chung: Giao cháu Lưu Gia N, sinh ngày 25/6/2014 cho anh Lưu Văn T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị Luân Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng, kể từ tháng 04 năm 2022 cho đến khi cháu Lưu Gia N đủ 18 tuổi. Chị Luân Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung và cho vay nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Luân Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập bị đơn anh Lưu Văn T1 hợp lệ lần thứ nhất để đưa ra xét xử nhưng anh Lưu Văn T1 vắng mặt không có lý do, nên phải hoãn phiên tòa vào ngày 24/02/2022. Tại phiên tòa hôm nay, anh Lưu Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lưu Văn T1.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 22/9/2021 chị Luân Thị T gửi đơn xin ly hôn với anh Lưu Văn T1 và yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Luân Thị T và anh Lưu Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 26/5/2014 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có 01 con chung. Đến năm 2018 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong thời gian chung sống chị Luân Thị T và anh Lưu Văn T1 bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay cãi

chửi nhau nên vợ chồng không thể hòa hợp. Từ đầu năm 2019 chị Luân Thị T đã đi làm công ty và đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị Luân Thị T đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án và được Tòa án thụ lý vụ án vào ngày 29 tháng 10 năm 2021, nhưng trong quá trình giải quyết anh Lưu Văn T1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh Lưu Văn T1 không đến Tòa án theo giấy triệu tập, cũng như không có ý kiến về việc chị Luân Thị T xin ly hôn với anh. Như vậy, chứng tỏ anh Lưu Văn T1 cũng không tha thiết gì đến việc hàn gắn hôn nhân, níu kéo tình cảm vợ chồng. Tại Công văn số 782/CV-UBND ngày 22/11/2021, Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cho biết hiện nay anh Lưu Văn T1 đang sinh sống tại địa phương, chị Luân Thị T không sinh sống tại địa phương, do đó có cơ sở đề xác định vợ chồng anh Tuấn, chị Tóm đã sống ly thân với nhau. Hội đồng xét xử thấy cuộc hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần giải quyết cho chị Luân Thị T được ly hôn anh Lưu Văn T1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Chị Luân Thị T và anh Lưu Văn T1 có 01 con chung là Lưu Gia N, sinh ngày 25/6/2014, hiện đang ở cùng anh Lưu Văn T1. Khi ly hôn chị Luân Thị T yêu cầu anh Lưu Văn T1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lưu Gia N. Xét thấy cháu Lưu Gia N hiện nay đang ở cùng anh Lưu Văn T1 và đang học tại Trường tiểu học xã Phú Xá nơi anh Lưu Văn T1 đang sinh sống, để cuộc sống của con được đảm bảo và tránh gây sự xáo trộn ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu Lưu Gia N. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị Luân Thị T là có căn cứ nên cần chấp nhận. Chị Luân Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng, kể từ tháng 04 năm 2022 cho đến khi cháu Lưu Gia N đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Chị Luân Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung và cho vay nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 24; Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Luân Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 235, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 24; Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Luân Thị T, cho chị Luân Thị T được ly hôn anh Lưu Văn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Gia N, sinh ngày 25/6/2014 cho anh Lưu Văn T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi; chị Luân Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chị Luân Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng (*một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng*), kể từ tháng 04 năm 2022 cho đến khi cháu Lưu Gia N đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án, mà người phải thi hành án chậm thi hành án, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự

4. Về tài sản chung vợ chồng: Không yêu Tòa án giải quyết

5. Về nợ chung và cho vay nợ chung: Không có, không yêu Tòa án giải quyết

6. Về án phí: Chị Luân Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ, tổng cộng là 600.000đ (*sáu trăm nghìn đồng*) để sung ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0001360, do cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn thu ngày 29/10/2021, chị Luân Thị T còn phải nộp án phí là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

7. Về quyền kháng cáo: Chị Luân Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Lưu Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- THADS huyện Cao Lộc;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện C;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phòng Đức Chính**